

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN TAM ĐƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 146 /NQ-HĐND

Tam Đường, ngày 13 tháng 11 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh một số nội dung tại Nghị quyết số 130/NQ-HĐND
ngày 23/7/2024 của HĐND huyện phê chuẩn quyết toán
ngân sách địa phương năm 2023**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG
KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI BỐN (CHUYÊN ĐỀ), KHOÁ XXI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ về việc ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thời gian gửi báo cáo kế hoạch tài chính - ngân sách, kế hoạch đầu tư công trung hạn; dự toán, phân bổ ngân sách địa phương; thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp huyện, xã và các biểu mẫu phục vụ công tác lập báo cáo tài chính - ngân sách trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 23/7/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Tam Đường phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2023;

Căn cứ Thông báo số 115TB-STC ngày 30/8/2024 của Sở Tài chính tỉnh Lai Châu về thẩm định quyết toán ngân sách huyện Tam Đường năm 2023;

Sau khi xem xét Tờ trình số 1895/TTr-UBND ngày 31/10/2024 của UBND huyện Tam Đường; báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND huyện và ý kiến của các Đại biểu HĐND huyện tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh một số nội dung tại Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 23/7/2024 của HĐND huyện phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2023, với một số nội dung sau:

1. Điều chỉnh giảm quyết toán tổng thu ngân sách địa phương so với số đã quyết toán tại Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 23/7/2024 của HĐND là 3.500.000 đồng (Từ 736.028.889.570 đồng thành 736.025.389.570 đồng).

2. Điều chỉnh giảm quyết toán kết dư ngân sách năm 2023 so với số đã quyết toán tại Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 23/7/2024 của HĐND là 3.500.000 đồng¹ (từ 130.798.151 đồng thành 127.298.151 đồng).

(Có các biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các nội dung khác không điều chỉnh tại Nghị quyết này được thực hiện theo Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 23/7/2024 của Hội đồng nhân dân huyện về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2024.

2. Giao UBND huyện chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện.

3. Giao Thường trực HĐND, các Ban và các Đại biểu HĐND huyện giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được HĐND huyện Tam Đường khóa XXI, kỳ họp thứ hai mươi bốn thông qua ngày 13/11/2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Sở Tài Chính;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- Chủ tịch, PCT. UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Tần Thị Quế

¹ Trong đó: Ngân sách huyện 3.500.000. đồng; ngân sách xã 0 đồng.

BIỂU SỐ 01

Điều chỉnh quyết toán cân đối ngân sách địa phương năm 2023 theo Thông báo của Sở Tài chính tỉnh Lai Châu

(Kèm theo Nghị quyết số 146/NQ-HĐND ngày 13/11/2024 của HĐND huyện)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Nội dung đề nghị điều chỉnh			Số Quyết toán sau điều chỉnh (Theo thông báo của STC)	Số sánh (3)	
			Số đã quyết toán tại Nghị quyết số 130	Số quyết toán đề nghị điều chỉnh	Số giảm		Tuyệt đối	Tương đối (%)
				Tăng	Giảm		8=7-3	9=7/3
I	2	3	4	5	6	7	8=7-3	9=7/3
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	596.603.000.000	736.028.889.570		3.500.000	736.025.389.570	139.422.389.570	123,4%
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	40.400.000.000	41.944.488.814		3.500.000	41.940.988.814	1.540.988.814	103,8%
-	Thu NSDP hưởng 100%	32.400.000.000	37.799.763.326		3.500.000	37.796.263.326	5.396.263.326	116,7%
	Trong đó: Các khoản huy động, đóng góp (nguồn tài trợ quy hoạch)		2.550.000.000			2.550.000.000	2.550.000.000	51,8%
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	8.000.000.000	4.144.725.488			4.144.725.488	-3.855.274.512	51,8%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	556.203.000.000	616.229.705.868			616.229.705.868	60.026.705.868	110,8%
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	433.569.000.000	415.079.578.032			415.079.578.032	-18.489.421.968	95,7%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	122.634.000.000	201.150.127.836			201.150.127.836	78.516.127.836	164,0%
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					0	0	
IV	Thu kết dư		10.929.100.504			10.929.100.504	10.929.100.504	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		61.551.444.196			61.551.444.196	61.551.444.196	
VI	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		5.374.150.188			5.374.150.188	5.374.150.188	
B	TỔNG CHI NSDP	596.603.000.000	735.898.091.419			735.898.091.419	139.295.091.419	123,3%
C	KẾT DƯ NSDP		130.798.151		3.500.000	127.298.151	127.298.151	



(Handwritten signature)

BIỂU SỐ 02
Điều chỉnh quyết toán nguồn thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn theo lĩnh vực năm 2023 theo Thông báo của Sở Tài chính tỉnh Lai Châu



Kính báo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 15/11/2024 của HĐND Huyện)

Đơn vị: Đồng

STT	Tên chi tiêu	Dự toán năm 2023	Số đã Quyết toán tại Nghị quyết số 130	Nội dung đề nghị điều chỉnh				Số Quyết toán sau điều chỉnh (Theo thông báo của STC)	So sánh QT/DT %		
				Số Quyết toán đề nghị điều chỉnh	Tăng	Giảm	Tăng		Giảm	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
	Tổng thu ngân sách	596.603.000.000	596.603.000.000	753.290.635.204	736.028.899.570	3.500.000	3.500.000	0	3.500.000	126,3%	123,4%
A	Tổng thu cân đối NSNN	40.400.000.000	40.400.000.000	45.319.178.697	41.944.488.814	3.500.000	3.500.000	0	3.500.000	112,2%	103,8%
I	Thu nội địa	43.600.000.000	40.400.000.000	42.769.178.697	39.394.488.814	3.500.000	3.500.000	0	3.500.000	98,1%	97,5%
1	Thu từ khu vực KT ngoài quốc doanh	24.000.000.000	24.000.000.000	25.449.111.759	25.449.111.759					106,0%	106,0%
2	Thu từ khu vực KT ngoài quốc doanh	10.000.000.000	8.000.000.000	4.776.219.590	3.820.975.672					47,8%	47,8%
	- NS Tinh hưởng	2.000.000.000	2.000.000.000	955.243.918	955.243.918					47,8%	47,8%
	- NS huyện hưởng	8.000.000.000	8.000.000.000	3.820.975.672	3.820.975.672					128,2%	128,2%
3	Lệ phí trước bạ	4.000.000.000	4.000.000.000	5.129.390.721	5.129.390.721						
4	Thuê nhà đất	0	0	0	0						
5	Thu phí và lệ phí	1.000.000.000	800.000.000	1.243.050.446	952.079.670					124,3%	119,0%
	- Thu phí và lệ phí	200.000.000	200.000.000	290.970.776	290.970.776					145,5%	145,5%
	- Phí, lệ phí trung ương và tỉnh hưởng	800.000.000	800.000.000	952.079.670	952.079.670					119,0%	119,0%
6	Thu thuế nhập khẩu	1.000.000.000	1.000.000.000	1.332.520.861	1.332.520.861					133,3%	133,3%
7	Thu thuế đất, mặt nước	600.000.000	600.000.000	653.647.995	653.647.995					108,9%	108,9%
8	Thu khác ngân sách	3.000.000.000	2.000.000.000	4.185.237.325	2.056.762.136					139,5%	102,8%
	- Ngân sách TW hưởng	850.000.000	850.000.000	1.262.107.989	1.262.107.989					148,5%	148,5%
	- Ngân sách tỉnh hưởng	150.000.000	150.000.000	866.367.200	866.367.200					577,6%	577,6%
	- Ngân sách huyện hưởng	2.000.000.000	2.000.000.000	2.056.762.136	2.056.762.136					102,8%	102,8%
9	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản, thu khác từ quỹ đất										
II	Các khoản huy động theo quy định của pháp luật (nguồn tài trợ quy hoạch)			2.550.000.000	2.550.000.000						
B	Thu kết dư ngân sách năm trước			10.929.100.504	10.929.100.504						
C	Thu chuyển nguồn			61.551.444.196	61.551.444.196						
D	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên			19.261.205.939	5.374.150.188						
E	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	556.203.000.000	556.203.000.000	616.229.705.868	616.229.705.868					110,8%	110,8%